TAND HUYỆN PHƯỚC SƠN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2019
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, trả nợ chung khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị H Hảo

Ông Phan Văn Trinh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thành- Thư ký Toà án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà BLúp Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, trả nợ chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1980

Bị đơn: Bà Đặng Thị D, sinh năm: 1977

Cùng cư trú tại: thôn 5, xã Đ, huyện P, tỉnh Q, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P, tỉnh Q (viết tắt Ngân hàng CSXH huyện P).

Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Đình T, Chức vụ: Phó Giám đốc- Đại diện theo ủy quyền- Văn bản ủy quyền số: 49/UQ- NHCS ngày 22/4/2019 của Giám đốc- Ngân hàng CSXH huyện P, có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Năm 2000, ông Nguyễn Tấn P và bà Đặng Thị D tự nguyện sống chung với nhau. Quá trình sống chung vợ cH sinh được 04 người con. Ngày 24/8/2018, vợ cH mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, thủ tục kết hôn đúng qui định của pháp luật. Vợ cH sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó, thời gian khoảng 3 đến 4 năm nay vợ cH thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bà D thường xúc phạm, chửi bới ông P, nhiều lần ông P đã tha thứ để cùng nhau chung sống, nhưng bà D vẫn không khắc phục. Bà D nghi ngờ ông P ngoại tình nhưng không có căn cứ. Bà D không những chửi bới xúc phạm ông P mà còn xúc phạm đến gia đình ông P. Ông P đã không sống chung với bà D từ đầu năm 2019. Tại phiên tòa ông P mong muốn được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông Nguyễn Tấn P và bà Đặng Thị D có bốn con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 15/3/2000; cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 10/7/2002; cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 14/9/2004; cháu Nguyễn Tấn Q, sinh ngày 19/6/2009. Ông P có nguyện vọng nuôi ba con là cháu Nguyễn Thị Thu H1, cháu Nguyễn Thị Lan A và cháu Nguyễn Tấn Q, ông P không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa ông P đồng ý giao các con cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Ông P đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Tấn Q mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Anh và cháu Quang đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông P vay Ngân hàng CSXH huyện P số tiền gốc 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Ông P nhận trách nhiệm trả số tiền đã vay và lãi theo qui định cho Ngân hàng CSXH huyện P.

Bị đơn bà Đặng Thị D trình bày: Bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Tấn P tự nguyện đến với nhau năm 2000. Đến năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P. Quá trình vợ chồng sống chung sinh được bốn con chung. Cuộc sống gia đình êm ấm, cả hai vợ chồng cùng làm ăn nuôi bốn con. Những mâu thuẫn mà ông P đưa ra là không đúng, bà D yêu thương chồng, luôn muốn giữ hạnh phúc gia đình, con cái có đầy đủ cha mẹ chăm sóc, dạy dỗ. Vì vậy, bà D không muốn ly hôn. Nếu ly hôn thì bà D nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con và đồng ý theo ý kiến của ông P về cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Lan A và cháu Nguyễn Tấn Q mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu Anh và cháu Quang đủ 18 tuổi. Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung, bà D đồng ý theo ý kiến của ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T trình bày: Ông Nguyễn Tấn P (bà Đặng Thị D là người thừa kế) là người đứng tên vay vốn Ngân hàng CSXH huyện P với số tiền vay là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Tính đến ngày 05/5/2019, tổng số tiền ông P phải trả cho Ngân hàng CSXH huyện P là 30.397.085đ

(*Ba mươi triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn không trăm tám lăm đồng*), trong đó nợ gốc: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi 397.085đ (*Ba trăm chín mươi bảy ngàn không trăm tám lăm đồng*). Ông P là người đứng tên vay vốn Ngân hàng CSXH huyện P đề nghị Tòa án giải quyết ông P có trách nhiệm trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng CSXH huyện P.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa; Đối với nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 10/7/2002; cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 14/9/2004 và cháu Nguyễn Tấn Q, sinh ngày 19/6/2009 cho bà Đặng Thị D chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Anh và cháu Quang cho đến khi cháu A và cháu Q đủ 18 tuổi.

- *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Tấn P trả nợ cho Ngân hàng CSXH huyện P số tiền đã vay 30.397.085đ (*Ba mươi triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn không trăm tám lăm đồng*), trong đó nợ gốc: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi 397.085đ (*Ba trăm chín mươi bảy ngàn không trăm tám lăm đồng*) (lãi tính đến ngày 05/5/2019) và tiếp tục trả lãi theo qui định.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- *Về con chung*: Ông P đồng ý giao 03 con chung cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 10/7/2002; cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 14/9/2004 và cháu Nguyễn Tấn Q, sinh ngày 19/6/2009 cho bà Đặng Thị D chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Tấn P đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu Q mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu A và cháu Q đủ 18 tuổi.

- *Về nợ chung*: Ông P nhận trách nhiệm trả số tiền đã vay cho Ngân hàng CSXH huyện P, không yêu cầu bà D cùng có trách nhiệm trả nợ với ông P.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông P xin ly hôn với bà Đặng Thị D; bà Đặng Thị D không đồng ý ly hôn, mong được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng***: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. ***Về việc giao nộp chứng cứ***: Các đương sự trong vụ án đều nhất trí với biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã xác lập ngày 18/4/2019 và bà D bổ sung thêm Giấy chứng nhận kết hôn.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Tấn P và bà Đặng Thị D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000, đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Q. Trong quá trình sinh sống ông P và bà D sinh được bốn người con, cuộc sống chung của vợ cH thời gian đầu sống hạnh phúc. Khoảng 3 đến 4 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà D nghi ngờ ông P ngoại tình, nên đã chửi bới, xúc phạm ông P. Vì vậy, ông P xin ly hôn. Mặc dù, qua hai lần hòa giải và tại phiên tòa bà D không muốn ly hôn vì bà D còn thương yêu chồng và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, ông P đã không còn tình cảm với bà D. Hai năm trở lại đây ông P đã không còn quan tâm và không sống chung với bà D. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông P và bà D đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn P.

[4]. *Về con chung*: Cháu Nguyễn Thị Thu H1, cháu Nguyễn Thị Lan A, cháu Nguyễn Tấn Q đều có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy: Ông P thường xuyên đi làm ăn xa nhà không trực tiếp chăm sóc con cái, hơn nữa để ổn định cho việc học tập của các cháu. Vì vậy, áp dụng Điều 82, Điều 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho bà D chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng ba người con. Đối với cháu H đã trên 18 tuổi, cháu thích sống với cha hay mẹ thì tùy nguyện vọng của cháu.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Tấn P đồng ý cấp dưỡng cho cháu A và cháu Q mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu A và cháu Q đủ 18 tuổi.

[6]. *Về tài sản chung*: Ông P và bà D không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đề cập đến.

[7]. *Về nợ chung:* Ông P nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng CSXH huyện P số tiền đã vay gốc và lãi là: 30.397.085đ (*Ba mươi triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn không trăm tám lăm đồng*), trong đó nợ gốc: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi 397.085đ (*Ba trăm chín mươi bảy ngàn không trăm tám lăm đồng*) (lãi tính đến ngày 05/5/2019) và tiếp tục trả lãi theo qui định nên chấp nhận.

[8]. Tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và về trả nợ chung. Xét thấy đề nghị

của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con*: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Nguyễn Tấn P phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn P.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho ông Nguyễn Tấn P được ly hôn bà Đặng Thị D.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 10/7/2002; cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 14/9/2004 và cháu Nguyễn Tấn Q, sinh ngày 19/6/2009 cho bà Đặng Thị D chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 14/9/2004 và cháu Nguyễn Tấn Q sinh ngày 19/6/2009 mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu A và cháu Q đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A và cháu Q đủ 18 tuổi.

- *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Tấn P phải trả nợ cho Ngân hàng CSXH huyện P số tiền đã vay là 30.397.085đ (*Ba mươi triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn không trăm tám lăm đồng*), trong đó nợ gốc: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi 397.085đ (*Ba trăm chín mươi bảy ngàn không trăm tám lăm đồng*) (lãi tính đến ngày 05/5/2019) và tiếp tục trả lãi theo qui định.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn*

đồng) ông P đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002195 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát;
- Chi cục T.H.A;
- TA tỉnh;
- UBND xã Phước Đức
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thị Lan